

Bản án số: 19/2020/HS-ST
Ngày 28-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Thành Long

Bà Trần Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Q, sinh ngày 06/02/1995, tại thị xã A, Hậu Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã P, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: không nghề; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê T và bà Trương P; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: tốt. Bị khởi tố ngày 17/4/2019 và áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Tạm giam*” từ ngày 14/5/2020 đến nay (Bị cáo có mặt tại Tòa).

- Bị hại: Anh Huỳnh G, sinh năm 2002 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã TL, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Huỳnh V, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã TL, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Anh Trương N, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

HKTT: Khu vực B, Phường BT, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khu vực E, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

Bà Trương P, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã P, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Q và bị hại anh Huỳnh G là bạn bè chơi chung với nhau. Sáng ngày 24/01/2020 bị cáo Q điện thoại cho anh G hỏi mượn chiếc xe mô tô để đi rút tiền và hẹn gặp nhau tại nhà nghỉ MP ở khóm U, phường O, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Đến 16 giờ cùng ngày 24/01/2020 anh G điều khiển xe mô tô biển số 83E1-228.90, nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE đi đến nhà nghỉ MP cho bị cáo Q mượn xe. Bị cáo Q mượn xe của anh G với mục đích chạy ra cửa hàng thế giới di động ở khóm U, phường O, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng để rút tiền, bị cáo Q hẹn với anh G là 30 phút sau sẽ trở lại nhà nghỉ trả xe cho anh G. Nghe vậy, anh G tin tưởng giao chìa khóa xe cho bị cáo Q điều khiển xe mô tô biển số 83E1-228.90 chạy đi, còn anh G ở lại nhà nghỉ MP nằm chờ bị cáo Q quay lại, anh G nằm ngủ quên đến khuya vẫn chưa thấy bị cáo Q quay lại trả xe nên anh G điện thoại cho bị cáo Q nhiều lần vẫn không liên lạc được, anh G mới điện thoại về cho người nhà ra rước anh G về nhà. Sáng ngày 25/01/2020 anh G đến công an Phường O, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng để tố giác hành vi phạm tội của bị cáo Lê Q.

Bị cáo Q sau khi mượn được xe của bị hại G, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 83E1-228.90 đến thế giới di động rút tiền nhưng rút chưa có tiền rồi bị cáo Q đã điều khiển xe mượn của anh G đi qua thị xã LM, tỉnh Hậu Giang chơi cho đến ngày 30/01/2020, bị cáo Q không có tiền tiêu xài nên mới nảy sinh ý định bán chiếc xe đã mượn của bị hại G. Bị cáo Q đã bán chiếc xe mô tô biển số 83E1-228.90 cho anh Trương N, ở Khu vực E, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang với số tiền 10.000.000 đồng. Khi bán xe cho anh N thì bị cáo Q đã liên hệ bằng số điện thoại cho một người phụ nữ tên T, kêu T tự xưng là V tên chủ xe và nói bán xe cho bị cáo Q để anh N tin tưởng mua xe của bị cáo Q. Sau đó, bị cáo Q đã đi qua tỉnh Bến Tre làm thuê cho đến ngày 14/5/2020 bị cáo Q quay về thị xã LM, tỉnh Hậu Giang thì bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 13/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã N, xác định giá trị tài sản chiếc xe mô tô biển số 83E1-228.90, nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE của bị hại Huỳnh G (tên chủ sở hữu là Huỳnh V) bị chiếm đoạt vào ngày 24/01/2020, giá trị còn lại là 18.800.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Lê Q về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung (BLHS năm 2015). Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Lê Q về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS năm 2015. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Q mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Huỳnh G (đại diện chủ sở hữu chị Huỳnh V) không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm; anh Trương N đã nhận lại được tiền mua xe của bị cáo, không yêu cầu bồi thường gì, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Ngày 13/02/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thị xã Ngã Năm đã ra quyết định thu giữ vật chứng 01 chiếc xe mô tô biển số 83E1-228.90; đến ngày 23/3/2020 đã trao trả lại cho chủ sở hữu chị Huỳnh V (chị ruột của bị hại Huỳnh G) chiếc xe mô tô biển số 83E1-228.90 đã nhận lại xong nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Trương N, sinh năm 1989 có hành vi mua lại chiếc xe mô tô biển số 83E1-228.90 của bị cáo Q đem bán. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã xác định anh N không biết chiếc xe này do bị cáo Q trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thị xã Ngã Năm không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Trương N là có căn cứ.

Riêng đối với người phụ nữ tên T tuy có hành vi giúp sức khi bị cáo Q cung cấp số điện thoại của T cho anh N, anh N điện thoại cho T thì T xưng là V – chủ xe và nói đã bán cho bị cáo Q cho anh N tin tưởng mua xe của bị cáo Q. Tuy nhiên, số tiền sau khi bán được chiếc xe mô tô trên, bị cáo Q đã tiêu xài không chia cho T. Mặt khác, bị cáo Q cũng không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể của T nên quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, khi nào điều tra phát hiện sẽ tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố cũng như lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bị cáo Q xin được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để về làm lại cuộc đời.

Quá trình điều tra bị hại anh Huỳnh G có ý kiến về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự thì không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Huỳnh V đã nhận lại được xe bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trương N đã nhận lại được tiền mua xe mà bị cáo Q chiếm đoạt bán cho anh Nhựt nên anh không có yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trương P trình bày: bà là mẹ bị cáo Q, bà đã ra tiền chuộc xe mà bị cáo Q đem bán cho anh N, bà không có ý kiến yêu cầu gì.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại anh Huỳnh G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Huỳnh V, anh Trương N. Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đều đề nghị xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, việc vắng mặt những người này không gây cản trở cho việc xét xử, do đó HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS) tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 13/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N thì 01 (Một) xe mô tô hiệu HONDA, biển kiểm soát 83E1-228.90 của chị Huỳnh V tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 18.800.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Q đã dùng thủ đoạn gian dối là hỏi bạn bị cáo là anh Huỳnh G mượn chiếc xe mô tô hiệu HONDA biển kiểm 83E1-228.90 để đi rút tiền, khoảng 30 phút sau sẽ trả lại nhưng sau đó đã bán xe cho anh Trương N với số tiền là 10.000.000 đồng để chi xài cá nhân. Tại phiên tòa, bị cáo Q cho rằng sau khi mượn xe làm phương tiện đi lại do không có tiền tiêu xài nên mới nảy sinh ý định bán xe. Như vậy, hành vi của bị cáo Q đã cấu thành tội ***“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”*** theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015. Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đối với bị cáo Q là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết tài sản của người khác bị cáo không có quyền sở hữu nhưng bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn góp phần gây mất ổn định và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, nên việc truy tố đưa bị cáo ra xét xử nghiêm trước pháp luật là cần thiết. HĐXX thấy rằng, cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian hợp lý để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để tuyên truyền, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

[5.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo trình độ học vấn còn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; tại phiên tòa bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về xử lý vật chứng: Ngày 13/02/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thị xã Ngã Năm đã ra quyết định thu giữ vật chứng 01 chiếc xe mô tô biển số 83E1-228.90; đến ngày 23/3/2020 đã trao trả lại cho chủ sở hữu chị Huỳnh V (chị ruột của bị hại Huỳnh G) chiếc xe mô tô biển số 83E1-228.90 đã nhận lại xong. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thị xã Ngã Năm là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Huỳnh G (đại diện chủ sở hữu chị Huỳnh V) không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm; anh Trương N đã nhận lại được tiền mua xe của bị cáo, không yêu cầu bồi thường gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Đối với anh Trương N, sinh năm 1989 có hành vi mua lại chiếc xe mô tô biển số 83E1-228.90 của bị cáo Q đem bán. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã xác định anh N không biết chiếc xe này do bị cáo Q trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thị xã Ngã Năm không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Trương N là có căn cứ.

[9] Riêng đối với người phụ nữ tên T tuy có hành vi giúp sức khi bị cáo Q cung cấp số điện thoại của T cho anh N, anh N điện thoại cho T thì T xưng là V – chủ xe và nói đã bán cho bị cáo Q cho anh N tin tưởng mua xe của bị cáo Q. Tuy nhiên, số tiền sau khi bán được chiếc xe mô tô trên, bị cáo Q đã tiêu xài cá nhân không chia cho T. Mặt khác, bị cáo Q cũng không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể của T nên quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, khi nào điều tra phát hiện sẽ tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về mức hình phạt, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự như đã nêu trong phần nội dung là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích trên.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Lê Q phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

2/ Tuyên phạt bị cáo Lê Q 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2020.

3/ Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm đã xử lý vật chứng xong nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Q phải chịu số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

6/ Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng(1);
- VKSND thị xã Ngã Năm(1);
- CAND thị xã Ngã Năm(1);
- Phòng KTNV và THA- TA tỉnh Sóc Trăng(1);
- Bị cáo(1);
- Bị hại(1);
- Người có QL-NVLQ đến vụ án(3);
- CQCSĐT Công an thị xã Ngã Năm(1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).
- Bộ phận lưu trữ (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Thị Vàng